

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10/7/2020.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình;

Ông Trịnh Xuân Tháp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn M, huyện C, tỉnh Sơn La.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Như T, sinh năm 1992;

Nơi ĐKKHKT: Xóm 7, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 9, ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N vắng mặt; anh T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2020 và bản tự khai đề ngày 18/6/2020 nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và Nguyễn Như T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2012, quyển số 01/2012 ngày 07/02/2012. Quá trình chung sống vợ chồng chị N hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chị N bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp dẫn đến tình

cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng chị đã nhiều lần ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Như T.

- Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Trần Như D, sinh ngày 11/02/2013. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 05/6/2020 và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Như T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Như T và chị Trần Thị N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2012, quyền số 01/2012 ngày 07/02/2012. Anh và chị N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống, tính cách ngày càng không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nên anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, anh T vào trong Đồng Nai sinh sống, còn chị N sinh sống ở Sơn La. Nay anh T thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Nguyễn Như T cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Trần Như D, sinh ngày 11/02/2013. Hiện nay cháu D đang ở cùng với chị N nên anh T đồng ý giao cháu D cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Nguyễn Như T, sinh năm 1992; Địa chỉ tạm trú: Tổ 9, ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn chị Trần Thị N có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải cũng như xét xử nên căn cứ theo quy định tại các Điều 207, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Như T chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2012, quyển số 01/2012 ngày 07/02/2012; Căn cứ vào các Điều 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân giữa chị N và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N là có cơ sở chấp nhận bởi vì: Vợ chồng phải có nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng chị N và anh T đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chị N, anh T bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần nên thường xuyên cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng chị đã nhiều lần ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức phiên họp hòa giải để đoàn tụ nhưng chị Trần Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải nhằm khắc phục mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh T được. Đồng thời anh Nguyễn Như T cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T và chị N được ly hôn do không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N, anh T có 01 con chung tên Nguyễn Trần Như D, sinh ngày 11/02/2013. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu D hiện nay đang ở với chị N và theo nguyện vọng của cháu D được ở với chị N, anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Do vậy, cần giao cháu D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Như T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 11, 12, 13, 14, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Như T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Như D, sinh ngày 11/02/2013 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Như T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003955 ngày 10/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị N đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Như T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện V
- Chi cục THA dân sự huyện Nv;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn M, huyện C, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Lâm